

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01/11/2023

“*V/v: tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hiền và bà Trần Thị Kim Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình” ngày 22/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 202/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** chị Linh Thị M, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: thôn K, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* **Bị đơn:** anh Đặng Hữu B, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Linh Thị M trình bày:

- Về tình cảm: chị M và anh B chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh vào năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng không mấy hạnh phúc. Nguyên nhân là do lối sống của anh B, cụ thể: anh B là người nghiện ma túy và đã 03 lần đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện, nhưng vẫn không từ bỏ được ma túy. Ngoài ra, anh B đã bị Tòa án xét xử và phải chấp hành hình phạt tù. Chính vì lối sống như trên nên anh B không có ý thức xây dựng cuộc sống gia đình, không tôn trọng lễ phải. Hơn thế, anh B còn thường xuyên đánh đập và

đuổi chị M ra khỏi nhà. Thực trạng cuộc sống vợ chồng như trên diễn ra trong nhiều năm và lặp đi lặp lại thường xuyên, liên tục làm cho chị M rất mệt mỏi, căng thẳng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sức khỏe tinh thần của chị M và con chung. Do không chịu đựng được lối sống của anh B nên chị M đã sống ly thân với anh B từ năm 2011, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh B.

- Về con chung: anh, chị có 01 con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 11/9/2008. Chị M đề nghị anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh B mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

* Đối với bị đơn anh Đặng Hữu B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không chấp hành, không có mặt ở nhà. Cán bộ Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành lấy lời khai của bị đơn tại nơi cư trú nhưng không lấy được lời khai, vì bị đơn không có mặt ở nhà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023, con chung của anh B và chị M là Đặng Phương T, sinh ngày 11/9/2008 có nguyện vọng được anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tại biên bản xác minh ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau: anh B và chị M chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2007 và sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H. Quá trình chung sống tại địa phương anh, chị hòa thuận được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống của anh B, cụ thể: anh B là người nghiện ma túy nhiều năm nay và đã 03 lần bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật, với tổng thời gian đi cai nghiện là 42 tháng. Ngoài ra, anh B đã bị Tòa án xét xử về tội cướp giật tài sản và xử phạt 24 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương từ đầu năm 2023. Do lối sống của anh B nêu trên nên chị M ít khi chung sống cùng anh B. Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là Đặng Phương T. Từ khi sinh ra đến nay, cháu T đã ở cùng với bố, mẹ và được ông bà N của cháu rất mực yêu thương, quan tâm chăm sóc nên được phát triển toàn diện. Quan điểm của địa phương: tình cảm giữa vợ chồng anh B và chị M không có khả năng hàn gắn. Hiện anh B vẫn tiếp tục lối sống như trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, ông Đặng Văn V và bà Lê Thị T1 (là bố mẹ đẻ của anh B) cung cấp như sau: chị M và anh B kết hôn năm 2007, sau kết hôn anh, chị chung sống cùng ông V và bà T1, nhưng cuộc sống giữa anh, chị không mấy hạnh phúc. Bản thân anh Ba k được toàn diện về lối sống do sử dụng ma túy nhiều năm nay. Ông, bà đã 03 lần có đơn đề nghị cơ quan chức năng cho anh B đi cai nghiện tự nguyện, tổng thời gian đi cai nghiện là 42 tháng. Ngoài ra, anh Ba bị Tòa án xét xử về tội danh liên

quan đến việc chiếm đoạt tài sản của người khác, mới chấp hành án phạt tù về nhà mấy tháng nay. Do lối sống của anh B như trên nên chị M thường xuyên không về nhà. Về con chung: anh B và chị M có 01 con chung, sinh sống cùng anh B và ông, bà từ lúc nhỏ đến giờ, cháu được cả gia đình quan tâm chăm sóc, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Ông V và bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết đơn khởi kiện của chị M theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Linh Thị M về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

+ Về tình cảm: xử cho chị Linh Thị M ly hôn với anh Đặng Hữu B.

+ Về con chung: giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Phương T, sinh ngày 11/9/2008 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với anh B mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản và khoản nợ chung: nguyên đơn trình bày không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình của chị Linh Thị M là tranh chấp về ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phố H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần thứ nhất vào ngày 11/10/2023 bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng

mặt bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm mở lần 2 đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: chị Linh Thị M và anh Đặng Hữu B chung sống với nhau vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị hòa thuận được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống của anh B như nội dung biên bản xác minh nêu trên. Xuất phát từ đó, chị M và anh B ít khi chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy lối sống của anh B như nêu trên đã làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Linh Thị M, xử cho chị M ly hôn với anh Đặng Hữu B.

* Về con chung: quá trình giải quyết vụ án, chị M đề nghị anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì con chung của anh, chị sinh sống cùng anh B từ khi sinh ra đến nay được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Như vậy, tuy có lối sống thiếu lành mạnh nhưng anh B vẫn đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của con chung. Bên cạnh đó, con chung của anh chị đã sinh sống cùng anh B và ông, bà V – T1 từ nhỏ đến nay, nếu có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con sẽ làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của con chưa thành niên. Do đó, cần giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh B mỗi tháng 3.000.000đ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

* Về tài sản và khoản nợ chung: chị M trình bày không có, nên không xét.

[3] Về án phí: chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Tuyên xử:

2.1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Linh Thị M, về việc: “tranh chấp về hôn nhân và gia đình” với bị đơn anh Đặng Hữu B.

- *Về tình cảm*: xử cho chị Linh Thị M ly hôn với anh Đặng Hữu B.

- *Về con chung*: giao cho anh Đặng Hữu B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đặng Phương T, sinh ngày 11/9/2008 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Linh Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh B mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Chị Linh Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2.Về án phí: buộc chị Linh Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp, theo biên lai thu số 0002108 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị M phải nộp số tiền còn thiếu.

2.3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng